TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 85/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11/9/2020
V/v "*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Mai Văn Thuận
Ông Hà Bửu Khánh
- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng***: Không tham gia phiên Tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 330/2020/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2020 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 116/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1968; Địa chỉ: ấp Cái, xã Ngọc C, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Danh H, sinh năm: 1968; Địa chỉ: ấp Ngọc A, xã Ngọc C, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2020 và trong quá trình xét xử , nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà và ông H trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và tổ chức lễ cưới vào năm 1994, đến ngày 06/11/2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc C, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì ông H nói đi làm thuê kiếm tiền sinh sống và cũng từ đó hai vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, bà đi tìm hiểu nguyên nhân thì được biết ông H chung sống với người phụ nữ khác, bà khuyên ông H lên nghĩ lại nhưng ông không nghe. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh H. Về con chung: Có hai đứa gồm Danh T, sinh năm: 1995 và Danh Ph, sinh năm: 1996, hiện đã

trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 15/7/2020 ông Danh H trình bày: Do ông và bà C sống không có hạnh phúc, hiện nay ông đi làm ăn ở Sài Gòn, nay bà C xin ly hôn ông đồng ý ly hôn; Về con chung các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn" giữa bà và ông H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Ông Danh H có văn bản đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của ông H không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông H .

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Danh H trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và tổ chức đám cưới vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc C, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/11/2002 nên hôn nhân của ông H, bà C là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai người đó sống, ông H bỏ nhà đi làm thuê, sau đó thì không trở về nhà chung sống với bà C từ năm 2009 cho đến nay, bà C đã đi tìm hiểu và khuyên ông H về sống chung nuôi dạy con cái nhưng ông H không về. Nay bà C xin ly hôn với ông H và ông H cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của ông, bà đã ở tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Danh H

{2.2} Về con chung: Bà C và ông H xác định có 02 người con chung tên Danh T, sinh năm: 1995 và Danh Ph, sinh năm: 1996, các con đã trưởng thành ra ở riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{2.3} Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm bà C phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền số 3505 ngày 07/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Bà C đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân : Xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Danh H.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có

4. Án phí ly hôn sơ thẩm bà C phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền số 3505 ngày 07/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Bà C đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; bà C được tính kể ngày tuyên án (11/9/2020). Ông H được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận
- *TAND tỉnh*
- *VKSND tỉnh, huyện*
- *Chi cục thi hành án*
- *Đương sự*
- *UBND xã*
- *Lưu HS, VP*